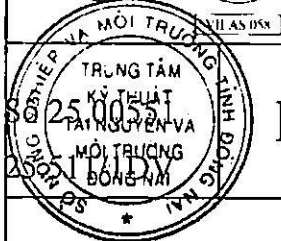




SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/4/2025

Trang 4/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BINMT Cột A K ₁ =0,9; K ₂ =1,0
	Lindan (γ-HCH)	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	δ-HCH	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Heptachlor	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Heptachlor-epoxide	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Methoxychlor	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
	Alachlor	mg/L		KPH(LOD=0,0001)	
30	Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	3,5x10 ³	3.000
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(*)	Bq/L		0,65	1,0
33	Tổng PCBs ^(*)	µg/L	USEPA 3510C + USEPA 3630C + USEPA 8270E		2,7
	+ PCB-18	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-28	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-31	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-44	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-52	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-101	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-118	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-138	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-149	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-153	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-170	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-180	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-194	µg/L		KPH (LOD=0,05)	
	+ PCB-209	µg/L		KPH (LOD=0,05)	

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vimecert

(2) : Thông số được công nhận VILAS

(4) : Thông số chưa được công nhận VILAS

KPH : Không phát hiện

LOD : Giới hạn phát hiện

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-01689BMT5/1 (MT.2025.01754/1), ngày 10/4/2025

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Trong thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



Số 25.00551
25.511/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/4/2025
Trang 1/4

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, tỉnh lộ 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Trên mương quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý,
trước khi xả thải ra môi trường
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT2
- Ngày lấy mẫu : 31/3/2025
- Ngày nhận mẫu : 31/3/2025
- Thời gian thử nghiệm : 31/3/2025 - 18/4/2025
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2-4/4

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

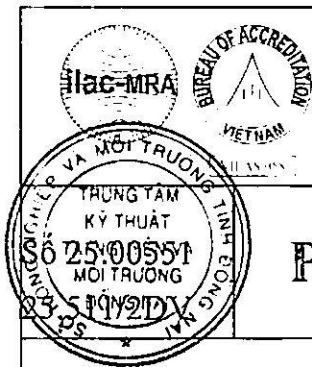


Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao chép một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Kết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khách hàng kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/4/2025

Trang 2/4

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BINMT Cột A Kq=09; Kf=10
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	SMEWW 2550 B:2023	30,1	40
2	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	7,33	6 - 9
3	Độ màu ⁽¹⁾⁽²⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	9	50
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	4	27
5	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	8	68
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	<4	45
7	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,079	4,5
8	Tổng nitơ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	3,68	18,0
9	Tổng photpho ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	0,13	3,6
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	0,18	4,5
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	22,1	450
12	Clo dư (Cl ₂) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	0,9
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,063
14	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	0,18
15	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	0,09
16	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,5
17	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,045
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0045
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,09
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,045
21	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,045
22	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,8
23	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,12	2,7
24	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,18
25	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	0,45
26	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,070	0,9
27	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,18

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Tất cả thông tin mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiêu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng